

Bàn về một số quy định bảo đảm quyền tự do lập hội trong Dự thảo Luật về Hội

TS. Nguyễn Thị Minh Hà*

Dân chủ thường được nhìn nhận dưới góc độ chính trị là hình thức tổ chức chính trị của xã hội dựa trên sự công nhận nhân dân như là nguồn gốc của quyền lực, dựa trên các quyền của nhân dân trong việc tham gia giải quyết những vấn đề của quốc gia và trao cho các công dân một loạt quyền và tự do thực sự⁷⁸. Trong thế giới hiện đại ngày nay, hình thức chính thể cộng hòa dân chủ đang được nhiều quốc gia trên thế giới tuyên bố và theo đuổi. Sở dĩ dân chủ có sức hấp dẫn và lôi cuốn mạnh mẽ xuất phát từ điều quan trọng đối với mỗi người là quyền tự do và quyền tham gia vào các công việc của quốc gia. Đặc điểm quan trọng nhất, bản chất nhất của dân chủ là quyền tự do cá nhân, là sự tôn trọng cá nhân con người của các chủ thể khác trong xã hội: “Sự công nhận nhân phẩm của mọi người trên toàn thế giới và các quyền bình đẳng không thể tước đoạt của họ chính là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới”⁷⁹. Như vậy, có thể đi đến nhận định quan trọng: dân chủ có thể được coi là giá trị xã hội và chính trị dưới hình thức các quyền con người. Chiếm một phần không nhỏ trong hệ thống pháp luật của các quốc gia là các quy định về quyền con người, về cách thức thực hiện các quyền đó trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Một trong những quyền con người là quyền được tự do lập hội và quyền hội họp. Các quyền này xuất phát từ nhu cầu của cá nhân sống trong một xã hội cần những cách thức thể hiện đời sống tinh thần, mong muốn giao tiếp với cộng đồng. Quyền tự do lập hội cùng với quyền tự do hội họp một cách hòa bình được ghi nhận đầu tiên tại Điều 20 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948. Ngoài việc quy định “mọi người có quyền tự do hội họp và lập hội một cách hòa bình”, khoản 2 Điều 20 còn nêu rõ “không ai bị ép buộc phải tham gia vào bất cứ hiệp hội nào”. Sau đó, trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 đã tái khẳng định và cụ thể hóa tại Điều 22, trong đó nêu rõ: “Mọi người có quyền tự do lập hội với những người khác, kể cả quyền lập và gia nhập các công đoàn để bảo vệ lợi ích của mình”. Đây không phải là quyền tuyệt đối, bởi nó cho phép các quốc gia có thể đưa ra các hạn chế trong việc thực hiện quyền này vì lý do an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, để bảo vệ các quyền, tự do, sức khỏe của người khác. Tinh thần đó từ Hiến chương và Công ước đã thể hiện nội dung của quyền bao gồm ba cách tiếp cận: Quyền thành lập hội; Quyền gia nhập hội; Quyền hoạt động và điều hành hội (bao gồm cả việc tìm kiếm, huy động các nguồn kinh phí cho hoạt động của hội).

Ở nước ta, quyền lập hội và quyền hội họp bắt đầu được chính thức ghi nhận từ Hiến pháp năm 1960. Tại thời điểm đó, khi mà các điều kiện về nhận thức và truyền tải thông tin còn rất hạn chế, thì việc quy định tại Điều 10 về quyền “tự do tổ chức và hội họp” là một minh chứng lớn cho các quyền dân chủ được xác lập trong nước. Quyền lập hội và quyền hội họp là hai quyền có phạm vi và nội dung khác nhau, nhưng có mối liên quan mật thiết và hợp thành nên bản chất của quyền, đó là tự do “hội” và “hợp”. Để cụ thể hóa quyền này, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã thông qua Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập hội. Tuy còn rất sơ lược, nhưng Sắc lệnh là sự khởi đầu cụ thể hóa về quyền lập hội và quyền hội họp của dân chúng. Quyền này

* Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội.

⁷⁸ Tr 17, Chế độ dân chủ - Nhà nước và xã hội, N.M. Voskresenskaia và N.B. Davletshina

⁷⁹ Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948